

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2004

### Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ông Hà Đan Huân - Q. Chủ tịch HĐQT

Năm 2004 cùng với việc tiếp tục ổn định về mô hình tổ chức, hoàn chỉnh bộ máy điều hành, Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, xây dựng và ban hành đồng bộ các văn bản về Quy chế, cơ chế tài chính - tín dụng, các Quy trình nghiệp vụ cho vay... Bổ sung hành lang pháp lý cho việc triển khai thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ mới. Các văn bản đó đã bắt đầu đi vào cuộc sống của hàng triệu người vay vốn và đang được vận hành suôn sẻ. Điều đó có thể minh chứng được rằng cơ chế tín dụng và biện pháp cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội

hợp với lòng dân, được xã hội chấp nhận.

Bằng sự nỗ lực vượt bậc Ngân hàng Chính sách xã hội đã có hệ thống tổ chức, bộ máy điều hành tác nghiệp từ Trung ương đến tỉnh, huyện, thị xã; đội ngũ cán bộ được tăng cường về số lượng và chất lượng, với trên 5.674 người, trong đó 75% cán bộ có trình độ Đại học và Cao đẳng, 0,5% trên Đại học. Đặc biệt, với sự hợp tác có hiệu quả của Ngân hàng Chính sách xã hội với các ngành có liên quan, các tổ chức xã hội trong nước và quốc tế đã tạo điều kiện cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc huy động nguồn vốn. Đến hết năm 2004 tổng nguồn vốn đạt trên 15.529 tỷ đồng, gấp 2 lần so với năm 2003 và đạt mức tăng trưởng 46,1%; trong đó nguồn vốn từ ngân sách chiếm tỷ trọng 31,4%, vốn đi vay 21,3% và vốn tự huy động ngoài xã hội 26,1% tổng nguồn vốn. Ngân hàng Chính sách xã hội đã đầu tư cho vay 6 chương trình với tổng dư nợ đạt 14.302 tỷ đồng, mức tăng trưởng 38,2% so với năm 2003, trong đó, vốn cho vay xoá đói giảm nghèo chiếm tỷ trọng 81,16%; cho vay giải quyết việc làm 15,79%; cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn 0,86%. Dư nợ cho vay bình quân 1 hộ nghèo 3,6 triệu đồng, 1 khách hàng vay vốn giải quyết việc làm 5,6 triệu đồng và dư nợ cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 3,75 triệu đồng. Vốn cho vay xoá đói giảm nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội đã phủ kín các phường, xã trong cả nước, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của cả nước 11% năm 2002 xuống còn 8,31% năm 2004. Một trong những yếu tố tạo nên thành quả cho vay xoá đói giảm nghèo là việc thực hiện có hiệu quả Nghị định 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó xây dựng và tăng cường mối quan hệ với các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) là một trong những hoạt động nổi bật nhất của hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách, thông qua mạng lưới hoạt động của trên 174.253 Tổ tiết kiệm vay vốn ở nông thôn, được Ngân hàng Chính sách xã hội uỷ thác từng phần, đã quản lý dư nợ trên 9.959 tỷ đồng, chiếm 69,6% tổng dư nợ. Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục duy trì và mở rộng quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế (Chính phủ và phi Chính phủ). Hợp tác với nhiều tổ chức tín dụng trên thế giới như: UNICEP, OPEC, IPAD, WB, ADB, thu hút vốn đầu tư trên 4.160 tỷ đồng.

Là một tổ chức tín dụng nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo, vì mục tiêu công bằng xã hội, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, truyền thống nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội đã trở thành người bạn đồng hành giúp người nghèo và các đối tượng chính sách, những người không có đủ điều kiện để tiếp cận với vốn tín dụng thương mại, có cơ hội để tiến kịp với sự phát triển của xã hội.

Thành tựu của công tác xoá đói giảm nghèo của Việt Nam trong những năm qua đã được Báo chí nước ngoài nhận xét: "Là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới, những hệ lụy âm đạm của chiến tranh, cảnh nghèo, cái khổ từng có thời hoành hành Quốc gia này đang lùi dần vào dĩ vãng. Việt Nam ngày nay có thể hãnh diện với thành tích tốt nhất trong công cuộc xoá đói giảm nghèo, với nền kinh tế ngày càng công nghiệp hoá ...". (theo bài: Tạp chí "các vấn đề đối ngoại" (Mỹ): Việt Nam bước lên vũ đài toàn cầu - đăng trên Báo Nhân dân ngày 27/8/2005).

Những kết quả mà Ngân hàng Chính sách xã hội đạt được trong năm qua chỉ là bước khởi đầu và đang còn những khó khăn nhất định. Hy vọng rằng năm 2005 và các năm tiếp theo, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ tiếp tục nhận được sự chỉ đạo của Nhà nước, sự phối hợp giúp đỡ của các bộ, ngành và chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức tín dụng trong nước và quốc tế... Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ đạt được nhiều thành quả lớn hơn, góp phần đắc lực trong công cuộc xoá đói giảm nghèo, ổn định xã hội và phát triển kinh tế.

**Q. Chủ tịch HĐQT Hà Đan Huân**

## **Mô hình tổ chức bộ máy quản trị, điều hành của Ngân hàng Chính sách xã hội**

### **A - Bộ máy quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội**

I - Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội gồm 12 thành viên, trong đó 3 thành viên chuyên trách gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát; 9 thành viên kiêm nhiệm là các Thứ trưởng hoặc cấp tương đương, đương chức của các bộ, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tại Trung ương.

Hội đồng quản trị có chức năng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, ban hành các văn bản về chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội hàng năm và 5 năm, cơ chế tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, nghị quyết các kỳ họp Hội đồng quản trị đột xuất, thường kỳ hàng quý, hàng năm.

Ngoài các nhiệm vụ trên, các thành viên kiêm nhiệm Hội đồng quản trị còn trực tiếp chỉ đạo hệ thống của mình tham gia quản lý, giám sát hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

II - Bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị gồm:

1- Ban chuyên gia tư vấn Hội đồng quản trị: Có chức năng tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chức năng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội. Thành viên Ban chuyên gia tư vấn Hội đồng quản trị gồm các chuyên gia cao cấp do các bộ, ngành, tổ chức hội, đoàn thể chính trị xã hội có lãnh đạo tham gia Hội đồng quản trị cử và một số chuyên gia do Chủ tịch lựa chọn.

2 - Ban Kiểm soát Hội đồng quản trị: Có chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp tỉnh, huyện và bộ máy điều hành của Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Chính phủ, điều lệ Ngân hàng Chính sách xã hội và các Văn bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3 - Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp tỉnh, huyện: Là đại diện của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương, có chức năng giám sát việc thực hiện các văn bản chỉ đạo, nghị quyết Hội đồng quản trị tại chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch cấp huyện, phối hợp chỉ đạo việc gắn kết tín dụng chính sách với kế hoạch xoá đói giảm nghèo và dự án phát triển kinh tế xã hội tại địa phương để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

### **B - Bộ máy điều hành Ngân hàng Chính sách xã hội**

Ngân hàng Chính sách xã hội có hệ thống mạng lưới hoạt động từ Trung ương đến tỉnh, thành phố, quận, huyện theo địa giới hành chính.

Điều hành hoạt động của hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội là Tổng giám đốc, giúp việc cho Tổng giám đốc là một số Phó Tổng giám đốc và các Phòng chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính.

1 - *Tại Trung ương*

- Hội sở chính Ngân hàng Chính sách xã hội đặt tại thủ đô Hà Nội.

2 - *Tại địa phương*

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội các tỉnh, thành phố và Sở giao dịch.

- Các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh: là đơn vị trực thuộc Hội sở chính, đại diện pháp nhân theo uỷ quyền của Tổng giám đốc trong việc chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn. Điều hành chi nhánh cấp tỉnh là Giám đốc, giúp việc Giám đốc là một số Phó giám đốc và các Phòng chức năng tại Hội sở tỉnh.

Phòng giao dịch cấp huyện: là các đơn vị trực thuộc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, đặt tại các quận, huyện, trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội

trên địa bàn. Điều hành Phòng giao dịch quận, huyện là Giám đốc, giúp việc Giám đốc là Phó giám đốc và các Tổ nghiệp vụ.

Tổ tiết kiệm và vay vốn: Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện phương thức cho vay đến người vay thông qua các tổ chức nhận uỷ thác. Tổ tiết kiệm và vay vốn của các tổ chức nhận uỷ thác là cánh tay nối dài của Ngân hàng Chính sách xã hội đảm bảo vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ đến đúng người nghèo và các đối tượng chính sách cần vay vốn.

### **Quá trình hoạt động**

Tổng dư nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2004 đạt 14.302 tỷ đồng, tăng 38,2% so với năm 2003 và tăng gấp 3,7 lần so với năm 1999. Tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân năm (giai đoạn 1999 - 2004) đạt 30,3%/năm. Kết cấu dư nợ từng chương trình cho vay như sau:

- Dư nợ cho vay hộ nghèo 11.609 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 81,16%;
- Dư nợ cho vay giải quyết việc làm 2.259 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 15,79%;
- Dư nợ cho vay học sinh, sinh viên 133 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,93%;
- Dư nợ cho vay xuất khẩu lao động 71 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,5%;
- Dư nợ cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn 123 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,86%;
- Dư nợ cho vay mua trả chậm nhà ở 105 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,73%;
- Dư nợ cho vay khác 3 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,02%.

Nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội giai đoạn 1998 - 2004 tăng trưởng tốt, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn này là 29,1%/năm. Đến 31/12/2004, tổng nguồn vốn đạt 15.529 tỷ đồng, tăng 46,1% so với 31/12/2003 và bằng 4,5 lần nguồn vốn năm 1998, được thể hiện trên biểu đồ sau:

### **Cơ cấu nguồn vốn năm 2004 của Ngân hàng Chính sách xã hội như sau:**

1. Vốn từ Ngân sách Nhà nước 4.877 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 31,4% trên tổng nguồn vốn, trong đó:

- Vốn điều lệ: 2.315 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 15% trên tổng nguồn vốn;

- Vốn nhận từ các chương trình: Cho vay giải quyết việc làm, Học sinh, Sinh viên và cho vay nhà trả chậm vùng Đồng bằng sông Cửu Long là: 2.562 tỷ đồng;

2. Vốn đi vay 1.664 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 10,72% trên tổng nguồn vốn, trong đó:

- Vay Ngân hàng Nhà nước: 1.531 tỷ đồng;

- Vay nước ngoài: 133 tỷ đồng;

3. Vốn huy động 8.093 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 52,12% trên tổng nguồn vốn, trong đó:

- Huy động thị trường 4.057 tỷ đồng;

- Nhận tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng Nhà nước 4.036 tỷ đồng;

4. Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư từ chính quyền địa phương 720 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 4,64% trên tổng nguồn vốn.

5. Vốn khác 175 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,12% trên tổng nguồn vốn.

### Công tác đối ngoại và quản lý dự án



Năm 2004 công tác đối ngoại và quản lý dự án của Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục được khẳng định, kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được của năm 2003. Trên cơ sở quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Hợp tác quốc tế đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành, hoạt động về đối ngoại và quản lý dự án đã từng bước chuyển từ bị động sang chủ động, đội ngũ làm công tác đối ngoại và quản lý dự án đã được tăng cường về số lượng và chất lượng cũng như kinh nghiệm. Những thuận lợi và cố gắng của Ngân hàng Chính sách xã hội trong năm 2003 và 2004 đã tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động đối ngoại và quản lý dự án từng bước vượt qua những khó khăn và trở ngại vươn lên

góp phần vào việc thực hiện thành công nhiệm vụ và kế hoạch của Ngân hàng Chính sách xã hội trong năm 2004, tạo tiền đề cho hoạt động hợp tác quốc tế trong các năm tiếp theo.

Với sự nhận thức về vai trò của công tác hợp tác quốc tế, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Ngân hàng Chính sách xã hội đã có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao và thường xuyên. Thông qua hoạt động trong năm 2004, công tác đối ngoại đã giúp các đối tác, các tổ chức và cá nhân nước ngoài hiểu rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, qua đó mở rộng và tìm kiếm các cơ hội hợp tác hai bên.

Trong năm 2004, hoạt động đối ngoại đã được đẩy mạnh thông qua nhiều cuộc tiếp xúc, trao đổi, làm việc với các tổ chức tài chính quốc tế lớn như: Ngân hàng Thế giới (WB), các cơ quan phát triển như DANIDA (Đan Mạch), IFAD, JBIC (Nhật Bản),... các chương trình hợp tác với các tổ chức như: Viện nghiên cứu chính sách thuộc Bộ Tài chính Nhật Bản (PRI), Quỹ hỗ trợ dân sinh Nhật Bản (NLFC), OPEC, GRET (Pháp),... Trong năm Ngân hàng Chính sách xã hội đã phối hợp với PRI tổ chức hai đoàn công tác gồm các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Hội sở chính và một số chi nhánh đi tham quan học tập kinh nghiệm tại NLFC về cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Công tác quản lý dự án cũng có bước phát triển so với 2003 cả về số lượng dự án và số vốn thực hiện. Trong năm 2004, Ngân hàng Chính sách xã hội đang thực hiện 11 dự án, trong đó 10 dự án tiếp tục thực hiện từ năm 2003 chuyển sang, 01 dự án mới đi vào thực hiện. Trong số các dự án Ngân hàng Chính sách xã hội đang thực hiện, có một số dự án lớn như: Dự án vay vốn OPEC (trị giá khoản vay là 10 triệu USD), dự án vay vốn IFAD (dự án toàn dân tham gia quản lý nguồn lực tại Tuyên Quang với tổng nguồn vốn 2.660.000 SDR, dự án đa dạng hoá thu nhập tại Tuyên Quang với tổng nguồn vốn 1.430.000 USD), dự án bảo vệ và phát triển vùng đất ngập mặn ven biển Miền Nam Việt Nam với nguồn vốn 650.000 USD.

Cùng với các dự án đang thực hiện, Ngân hàng Chính sách xã hội còn tích cực phối hợp với các bên liên quan để sớm triển khai một số dự án như: tham gia hợp phần trồng rừng sản xuất của Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp do WB tài trợ (vốn tín dụng cho vay là 22.600.000 SDR), Dự án phân cấp giảm nghèo của IFAD tại Hà Giang và Quảng Bình. Xúc tiến việc gia nhập Hiệp hội tín dụng Nông nghiệp và Nông thôn châu á-Thái bình dương (APRACA), Dự án tài trợ kỹ thuật từ

quỹ ASEM, Dự án hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ của Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức trị giá 7 triệu Euro.

Bên cạnh dự án vay vốn tín dụng, Ngân hàng Chính sách xã hội đã triển khai một số dự án hỗ trợ kỹ thuật cho Ngân hàng Chính sách xã hội như: dự án hỗ trợ kỹ thuật trong việc thẩm định cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ do PRI (Nhật Bản) tài trợ thông qua NLFC,... các dự án này đã góp phần nâng cao kinh nghiệm và kiến thức cho đội ngũ cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội.

Với những cố gắng và kết quả nêu trên, hoạt động hợp tác quốc tế trong năm 2004 đã tạo đà cho hoạt động này tiếp tục phát triển hơn nữa trong năm 2005 và các năm tiếp theo.

## **Báo cáo tài chính năm 2004**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, áp dụng chế độ kế toán do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam, quy chế quản lý tài chính ban hành theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Chính phủ và Thông tư số 56/TT-BTC ngày 09/06/2003, Thông tư số 72/2003/TT-BTC ngày 31/07/2003 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Một số nguyên tắc chủ yếu

### **1. Thu nhập:**

Thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội là toàn bộ các khoản thực thu phát sinh trong hoạt động nghiệp vụ và hoạt động khác.

### **2. Chi phí:**

Chi phí là các khoản chi phí hợp lý trong kỳ.

### **3. Chuyển đổi ngoại tệ:**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản này được hạch toán vào kết quả hoạt động.

### **4. Tài sản cố định và khấu hao:**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **5. Tín dụng:**

Dư nợ tín dụng được tính bằng giá trị các khoản nợ gốc chưa thanh toán vào cuối năm tài chính. Lãi được tính trên cơ sở thực thu. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được sử dụng để bù đắp tổn thất do nguyên nhân khách quan phát sinh trong quá trình cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách.

## I. Bảng cân đối kế toán <sup>(1)</sup>

Đơn vị tính: Triệu đồng

<b>TÀI SẢN CÓ</b>	<b>31/12/2003</b>	<b>31/12/2004</b>
Tiền mặt tại quỹ	9.166	13.830
Tiền mặt gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5.984	16.192
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước	222.600	1.047.658
Cho vay đối với người nghèo uỷ thác qua các tổ chức tín dụng, các tổ chức chính trị - xã hội trong nước	8.070.843	-
Cho vay các tổ chức kinh tế, các nhân trong nước	2.003.408	13.484.332
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	149.462	518.091
Nợ cho vay được khoan	87.141	268.036
Tài sản	88.797	142.981
Tài sản có khác	94.644	38.288
<b>Tổng tài sản có</b>	<b>6.855.755</b>	<b>10.842.568</b>
<b>TÀI SẢN NỢ</b>	<b>31/12/2003</b>	<b>31/12/2004</b>
Vốn vay Ngân hàng Nhà nước Việt nam	1.531.239	1.661.239
Các khoản nợ các tổ chức tín dụng khác	3.961.874	6.732.646
Tiền gửi của khách hàng	637.1.4	1.491.428
Vốn tài trợ uỷ thác đầu tư	534.752	721.146
Tài sản nợ khác	109.786	236.127
<b>Công nợ</b>	<b>6.855.755</b>	<b>10.842.586</b>
<b>VỐN VÀ CÁC QUỸ</b>		
Vốn điều lệ	1.515.000	2.315.000
Vốn khác	2.377.455	2.463.912
Các quỹ	20.441	9.058
<b>Cộng vốn và các quỹ</b>	<b>3.912.896</b>	<b>4.787.970</b>
Lợi nhuận chưa phân phối	(36.606)	(101.148)
<b>Tổng tài sản nợ</b>	<b>10.732.045</b>	<b>15.529.408</b>

## II. Kết quả tài chính <sup>(1)</sup>

Đơn vị tính: Triệu đồng

<b>CHI TIÊU</b>	<b>2003</b>	<b>2004</b>
<b>A.THU NHẬP</b>	<b>674.603</b>	<b>1.115.450</b>
Thu từ lãi cho vay	436.628	602.872
Thu khác về hoạt động tín dụng	130	529
Thu lãi tiền gửi	14.206	14.120
Thu dịch vụ thanh toán	1	31
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	-	1
Thu từ hoạt động khác	1.892	183
Thu cấp bù chênh lệch lãi suất và phí do ngân sách cấp bù	219.866	494.108
Các khoản thu nhập khác	1.880	3.606
<b>CHI PHÍ</b>	<b>711.209</b>	<b>1.179.992</b>
Chi về huy động vốn	272.963	486.517
Chi dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	1.562	4.962
Chi trả phí dịch vụ uỷ thác cho vay	234.146	271.936
Chi về tài sản	43.998	77.704
Chi cho nhân viên	83.051	209.542
Chi hoạt động quản lý, công vụ	56.605	92.087
Chi trích lập dự phòng	18.361	36.108
Chi phí khác	523	1.1136
<b>C.CHÊNH LỆCH THU - CHI</b>	<b>(36.606)</b>	<b>(64.542)</b>

(<sup>1</sup>) Số liệu này lấy theo Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2003 và 2004 của Ngân hàng Chính sách xã hội do Kiểm toán Nhà nước thực hiện).